

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index mở cửa với gap âm hơn 40 điểm trong ngày hôm nay. Đà bán tiếp tục kéo dài và chỉ có dấu hiệu chững lại khi chỉ số giảm xuống ngưỡng 1,230. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,229.84 điểm, giảm gần 90 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này cũng bán ròng gần 3.7 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Thanh khoản tăng hơn 100% trong phiên hôm nay và bên bán chiếm vị thế chủ đạo. Chỉ số đã lùi về vùng đáy tháng 1/2025 – vùng 1,220 – 1,230. Tâm lý thị trường đang hoảng loạn trước thông tin đột ngột và tiêu cực về thuế quan của Hoa Kỳ, vì vậy diễn biến trong ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục chứng kiến sự rung lắc mạnh. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của thị trường là 1,200.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-87.99** điểm, đóng cửa tại **1229.84** điểm. HNX-Index **-17.18** điểm, đóng cửa tại **220.95** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **NAF (+0.02)**, **PGI (+0.01)**, **DTL (+0.01)**, **BTT (+0.01)**, **S4A (+0.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-8.94)**, **BID (-4.51)**, **VIC (-3.82)**, **CTG (-3.70)**, **VHM (-3.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **38,246** tỷ đồng, tăng **143.94%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 39,554 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 48.49 điểm. Thị trường có **13** mã tăng, 8 mã tham chiếu, **517** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-3699.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (-692.17 tỷ)**, **TPB (-357.72 tỷ)**, **FPT (-338.59 tỷ)**, **VNM (-308.70 tỷ)**, **VCB (-267.60 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.56** tỷ đồng.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-7.01%	-7.08%	-6.68%	-6.81%
1 tuần	-1.17%	-1.18%	-7.10%	-7.03%
1 tháng	-3.49%	-3.60%	-6.26%	-6.20%
3 tháng	-1.51%	2.70%	-1.97%	-2.83%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,229.84	220.95	90.58
% 1D	-6.68%	-7.21%	-8.17%
GTGD (tỷ VND)	38,246	2,325	1,770
%1D	143.94%	201.14%	268.52%
GDNN (tỷ VND)	-3699.61	-7.56	-19.34

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCG	26.15	MBB	-692.17
VRE	20.89	TPB	-357.72
VIX	19.25	FPT	-338.59
DGC	14.11	VNM	-308.70
GEX	8.57	VCB	-267.60

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	0.67%	-0.72%
FTSE100	-1.29%	-1.95%
Eurostoxx	-1.99%	-4.59%
Shanghai	-0.24%	-1.10%
Nikkei	-2.73%	-7.61%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

Hàng hóa

Giá dầu Brent	72.24	-1.54%
Giá vàng	3,129	-1.79%

Tỷ giá

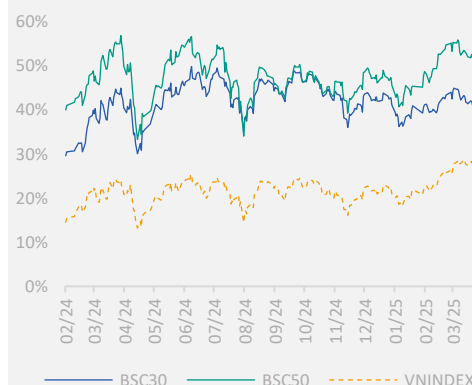
USD/VND	26,000	0.70%
EUR/VND	28,973	1.88%
JPY/VND	179	2.29%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	3.1%	0.08%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

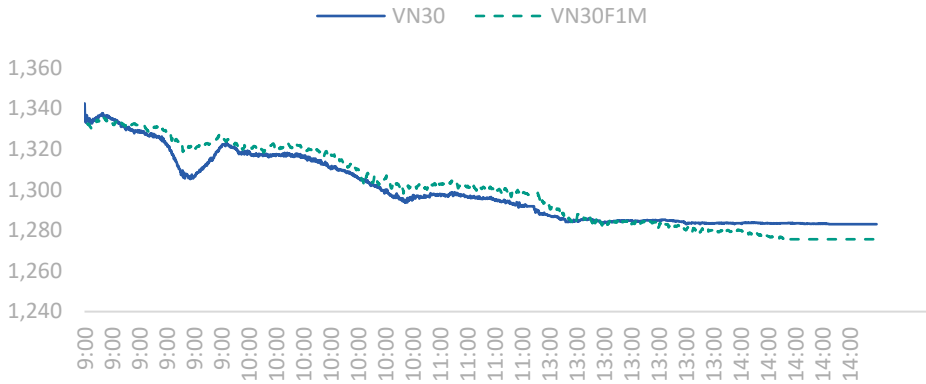


Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1280.20	-6.6%	960	2361.5%	9/18/2025	168
VN30F2504	1275.60	-7.0%	317,181	127.8%	4/17/2025	14
VN30F2505	1275.80	-7.0%	1,428	245.8%	5/15/2025	42
VN30F2506	1274.10	-7.0%	794	5571.4%	6/19/2025	77

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
BCM	70.40	-6.88%	-0.20
BVH	48.50	-6.91%	-0.28
PLX	37.40	-6.97%	-0.30
GVR	29.70	-6.90%	-0.33
SAB	45.85	-7.00%	-0.46

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định

- VN30 -93.76 điểm, đóng cửa tại 1283.18 điểm. Biên độ dao động 59.47 điểm. Các cổ phiếu như BCM, BVH, PLX, GVR, SAB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chịu áp lực bán từ khi mở cửa và tiếp tục tăng lên trong phiên chiều nay khi áp lực bán giải chấp diễn ra. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2504.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2402	7/28/2025	116	29,100	-76.32%	13.41	3,390	-8.6%	25.25	26.87	113.50	113.50
CMBB2507	2/5/2026	308	51,400	-75.01%	2.40	1,630	-9.9%	10.17	5.66	22.65	22.65
CHPG2510	2/5/2026	308	31,300	-75.07%	2.90	1,140	-11.6%	7.52	6.32	25.35	25.35
CSTB2505	10/9/2025	189	100	-73.87%	4.00	1,850	-12.3%	10.88	9.55	36.55	36.55
CMBB2508	8/5/2025	124	200	-78.81%	2.30	1,250	-12.6%	10.19	4.80	22.65	22.65
CSTB2410	11/4/2025	215	2,832,100	-80.08%	3.80	1,160	-14.1%	10.95	7.28	36.55	36.55
CFPT2508	2/5/2026	308	206,000	-79.91%	16.00	850	-14.1%	12.27	22.80	113.50	113.50
CHPG2509	8/5/2025	124	90,000	-80.91%	2.80	680	-16.0%	7.53	4.84	25.35	25.35
CTCB2404	8/14/2025	133	100	-71.10%	2.50	1,000	-16.7%	4.70	7.50	25.95	25.95
CTCB2403	11/4/2025	215	930,500	-75.72%	2.60	740	-16.9%	4.68	6.30	25.95	25.95
CTCB2504	1/9/2026	281	33,600	-63.28%	2.45	1,180	-16.9%	3.93	9.53	25.95	25.95
CVIB2408	5/14/2025	41	100	-78.98%	1.95	490	-18.3%	4.17	3.91	18.60	18.60
CTCB2506	10/23/2025	203	310,800	-72.95%	2.50	1,130	-19.3%	5.88	7.02	25.95	25.95
CVIC2501	5/26/2025	53	2,043,500	-62.90%	4.00	3,370	-19.8%	10.45	20.85	56.20	56.20
CVHM2503	4/9/2026	371	753,600	-61.52%	4.20	2,110	-19.8%	6.47	18.97	49.30	49.30
CMWG2505	10/9/2025	189	68,100	-76.67%	6.10	1,110	-20.1%	8.12	12.76	54.70	54.70
CMBB2505	4/9/2026	371	628,300	-69.14%	2.28	1,570	-20.7%	6.83	6.99	22.65	22.65
CVHM2409	8/14/2025	133	12,900	-68.86%	4.20	2,230	-21.2%	9.03	15.35	49.30	49.30
CSTB2402	5/21/2025	48	1,515,500	-70.53%	3.00	2,590	-21.5%	11.19	10.77	36.55	36.55
CMWG2504	3/26/2026	357	241,800	-75.05%	6.60	1,410	-21.7%	9.68	13.65	54.70	54.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
 Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 03/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAF	21.00	6.33%	0.02	0.06
PGI	22.80	0.88%	0.01	0.11
DTL	10.85	3.33%	0.01	0.06
BTT	39.00	4.00%	0.01	0.01
S4A	37.45	1.35%	0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

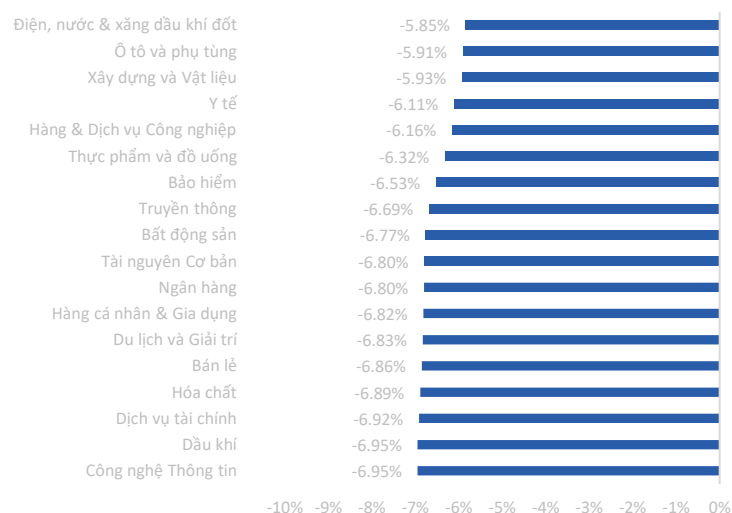
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	249.80	10.00%	3.23	0.20
BKC	70.90	9.92%	0.05	0.01
SDU	18.80	9.30%	0.02	0.02
PGS	31.20	0.65%	0.01	0.05
SAF	53.00	1.34%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVT	13.20	6.88%	0.00	0.03
YBM	16.75	6.69%	0.00	0.18
SMA	10.60	6.53%	0.00	0.01
NAF	21.00	6.33%	0.02	1.22
BTT	39.00	4.00%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	249.80	10.00%	17.83	0.20
BKC	70.90	9.92%	0.29	0.18
SDU	18.80	9.30%	0.12	0.00
KDM	18.50	2.78%	0.01	0.05
SGD	11.50	2.68%	0.00	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	60.30	-6.94%	-8.94	8.36
BID	36.00	-6.98%	-4.51	7.02
VIC	56.20	-6.95%	-3.82	3.82
CTG	39.05	-6.91%	-3.70	5.37
VHM	49.30	-6.98%	-3.61	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

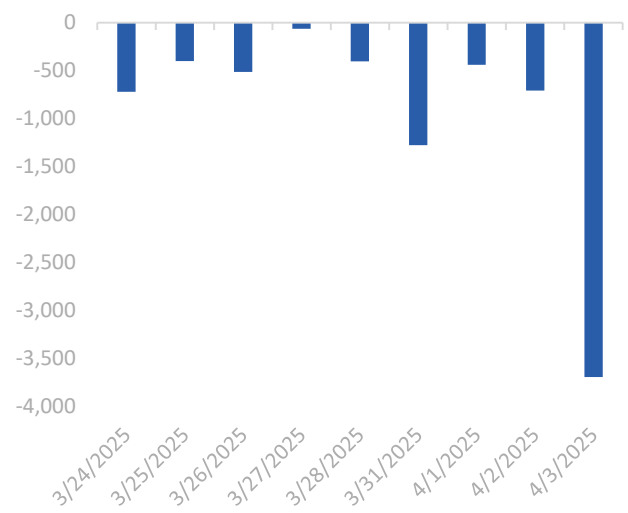
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	48.60	-9.83%	-1.02	0.33
MBS	27.10	-9.97%	-1.00	0.57
PVI	59.40	-9.86%	-0.89	0.23
PVS	27.90	-10.00%	-0.86	0.48
NVB	10.60	-9.40%	-0.76	1.17

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SAV	18.60	-7.00%	-0.01	0.06
TDW	55.80	-7.00%	-0.01	0.00
CTR	91.70	-7.00%	-0.19	0.76
SAB	45.85	-7.00%	-1.05	3.31
ASM	7.31	-7.00%	-0.05	1.31

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	27.10	-9.97%	-5.52	11.62
TNG	19.90	-9.95%	-0.87	2.17
CAP	35.30	-9.95%	-0.19	0.18
LHC	67.00	-9.95%	-0.34	0.10
LAS	16.30	-9.94%	-0.65	1.57

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	54.7	-7.0%	1.6	85,935	858.9	2,544	23.1		45.7%	
KBC	Bất động sản	27.5	-7.0%	1.7	22,644	263.6	498	59.3		19.2%	
KDH	Bất động sản	29.8	-6.9%	1.2	32,306	111.1	863	37.0		35.8%	
PDR	Bất động sản	18.2	-6.9%	1.8	17,026	144.1	643	30.3	23,600	8.2%	Link
VHM	Bất động sản	49.3	-7.0%	1.0	217,693	1172.2	7,349	7.2	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	113.5	-7.0%	1.0	179,470	1328.7	5,371	22.7	163,000	42.4%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	-7.0%	0.0	59,995	95.7	204	95.1		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.9	-10.0%	1.3	14,817	199.7	2,238	13.9	40,300	16.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.7	-7.0%	1.5	22,175	678.2	1,571	19.6		43.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.6	-7.0%	1.5	51,892	1357.3	1,536	17.2		37.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.3	-6.9%	1.6	28,006	770.3	1,537	25.4		29.9%	
DCM	Hóa chất	30.8	-7.0%	1.5	17,497	108.8	2,682	12.3	41,100	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	90.4	-6.9%	1.4	36,876	299.9	7,864	12.4	111,400	15.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	-6.9%	0.7	115,910	1034.7	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	36.0	-7.0%	0.8	271,727	273.9	3,639	10.6	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.1	-6.9%	1.0	225,271	788.0	4,720	8.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.9	-6.9%	1.1	78,464	715.3	3,667	6.1		17.2%	
MBB	Ngân hàng	22.7	-7.0%	1.0	148,590	2022.9	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	-6.6%	1.2	31,330	269.5	2,123	5.7	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	36.6	-6.9%	1.1	73,995	3387.2	5,351	7.3		21.8%	
TCB	Ngân hàng	26.0	-7.0%	1.2	197,109	1692.5	3,054	9.1	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	-6.7%	0.9	37,648	702.8	2,298	6.2	-	25.7%	Link
VCB	Ngân hàng	60.3	-6.9%	0.7	541,448	620.3	4,049	16.0		22.7%	
VIB	Ngân hàng	18.6	-6.8%	1.1	59,434	609.5	2,424	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.9	-6.8%	1.0	151,935	742.2	1,989	9.6	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.4	-7.0%	1.2	174,298	2095.9	1,879	14.5	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	-6.9%	1.7	10,805	179.1	935	18.6	22,700	7.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-7.0%	1.5	9,806	317.5	2,712	10.8	31,000	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	61.4	-7.0%	1.6	94,931	656.3	1,345	49.1		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.5	-6.6%	0.7	126,442	968.7	4,494	13.5		49.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	35.7	-6.92%	1.7	8,394	58.9	2,042	18.8	18.7%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	140.5	-6.95%	1.0	20,573	112.9	2,331	64.8	32.5%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	48.5	-6.91%	0.8	38,675	39.1	2,843	18.3	26.6%	9.6%	
DIG	Bất động sản	18.5	-6.80%	1.6	12,106	319.1	188	105.7	2.4%	1.5%	
DXG	Bất động sản	14.9	-6.90%	1.6	13,890	431.3	352	45.4	20.0%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	26.0	-6.99%	1.2	4,976	248.9	384	72.7	3.4%	3.1%	
HDG	Bất động sản	24.4	-6.87%	1.4	8,812	77.1	1,036	25.3	19.5%	5.8%	
IDC	Bất động sản	48.6	-9.83%	1.1	17,787	118.4	6,049	8.9	20.3%	37.7%	
NLG	Bất động sản	32.1	-6.96%	1.3	13,285	173.4	1,346	25.6	37.4%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	80.1	-6.97%	0.0	18,127	75.3	5,584	15.4	5.9%	29.5%	
SZC	Bất động sản	38.9	-6.94%	1.3	7,523	61.3	1,809	23.1	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.1	-6.83%	1.4	12,228	239.3	1,466	12.5	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	56.2	-6.95%	1.0	230,949	1094.3	3,069	19.7	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	18.8	-6.95%	1.2	45,787	353.6	1,802	11.2	19.5%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.8	-6.89%	0.8	8,125	32.4	1,478	26.0	36.1%	11.4%	
PLX	Dầu khí	37.4	-6.97%	0.9	51,078	109.3	2,275	17.7	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	20.6	-6.79%	1.4	12,285	111.7	1,255	17.6	8.2%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	47.0	-6.93%	1.8	15,449	311.5	1,869	27.0	29.9%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.1	-9.97%	1.8	17,241	322.4	1,583	19.0	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.5	-6.86%	0.7	157,193	127.6	4,439	15.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	-6.64%	1.0	29,976	219.3	475	27.0	3.6%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.1	-6.90%	1.0	33,442	161.7	4,237	16.8	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	88.4	-6.95%	0.6	51,453	199.4	2,632	36.1	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.9	-6.82%	1.8	22,044	704.1	1,910	13.4	8.1%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.4	-6.93%	1.1	23,657	91.2	4,613	12.2	41.2%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.7	-6.93%	1.4	6,936	343.3	4,413	12.1	11.7%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.1	-6.87%	1.1	8,811	70.5	3,071	8.1	11.6%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	125.0	-6.99%	0.0	16,368	86.0	3,146	42.7	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	76.8	-6.91%	0.8	27,877	204.8	6,300	13.1	47.5%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	34.5	-6.89%	0.8	3,769	31.5	2,710	13.7	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.9	-9.95%	1.2	2,709	43.4	2,568	8.6	16.8%	17.4%	
DPM	Hóa chất	32.9	-6.94%	1.5	13,814	188.7	1,400	25.2	8.3%	4.9%	Link
GVR	Hóa chất	29.7	-6.90%	1.9	127,600	99.1	997	32.0	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	18.5	-6.82%	0.9	36,882	272.0	1,786	11.1	3.7%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	30.8	-6.95%	0.9	98,879	201.4	3,254	10.2	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.0	-6.71%	0.0	23,539	47.9	2,702	6.4	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.6	-6.64%	1.1	27,863	108.1	1,287	8.8	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.2	-6.91%	1.6	6,803	184.6	1,377	11.0	5.6%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.4	-6.97%	1.5	4,393	24.9	180	91.9	0.4%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	29.8	-6.88%	0.8	9,729	109.2	1,545	20.7	3.9%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.9	-7.00%	1.0	63,230	155.3	3,376	14.6	59.4%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-6.85%	1.2	14,096	27.1	5,496	11.4	24.5%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	113.0	-6.92%	0.8	9,938	75.8	12,103	10.0	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.8	-6.99%	1.4	8,574	131.5	3,734	23.0	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.7	-7.00%	1.2	11,278	69.6	4,705	21.0	7.6%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.5	-6.95%	1.4	3,352	77.9	3,553	15.0	7.0%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.4	-6.94%	1.7	5,295	138.1	987	12.4	6.7%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.1	-6.84%	1.3	8,101	127.9	1,307	17.3	15.5%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.2	-6.93%	1.6	12,960	414.5	1,548	14.0	6.1%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.5	-6.95%	1.4	21,924	51.2	2,464	19.9	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>